

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2021

V/v “Ly hôn, nuôi con và
chia tài sản chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nam Tiến

2. Bà Thái Thị Dung

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Có- Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 438/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc: “Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 2 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/QĐ-HPT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Mỹ N**, sinh năm 1998; Địa chỉ: xóm 2, xã T, huyện T, tỉnh Bình Thuận

2. Bị đơn: ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1997; Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận

(Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 06/9/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn L tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T vào năm 2019.

Trong quá trình sống chung thì giữa bà và ông L sống không hòa thuận, nhiều mâu thuẫn, do ông L thường xuyên đánh đập bà và còn xúc phạm gia đình, bà chịu đựng không nổi phải ôm con về nhà mẹ ruột ở nhưng ông L cũng không tha cho bà còn qua nhà mẹ bà đánh đập bà, hiện nay đã ly thân nhau không còn sống chung với nhau nữa, đến nay ông L cũng không quan tâm gì đến vợ con. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L, không có hướng trở về đoàn tụ.

Về con chung: 01 đứa, Nguyễn N Thúy U, sinh năm 2020. Nếu ly hôn tôi yêu cầu nuôi dưỡng giáo dục con chung, bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: 30.000.000đ tiền mặt và 02 chỉ vàng tây. Bà xin rút yêu cầu phân chia tài sản;

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai

Bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt nên không ghi được lời khai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến Tòa căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ N. Bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Giao cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung: Nguyễn N Thúy U, sinh năm 2020 đến khi trưởng thành, bà N không yêu ông L cấp dưỡng nuôi các con.

-Về tài sản chung: Bà N xin rút yêu cầu phân chia tài sản nên không xem xét;

-Về nợ chung: Không có

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn L nhưng không thực hiện được tổng đạt do ông L không có mặt thường xuyên vắng nhà. Tòa án đã xác định địa chỉ của ông L đúng theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn L được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống do ông L thường xuyên đánh đập và còn xúc phạm gia đình vợ, bà N chịu đựng không nổi phải ôm con về nhà mẹ ruột ở nhưng ông L cũng không tha cho bà còn qua nhà mẹ bà đánh đập bà. Đến tháng năm 20 bà và ông L chính thức chấm dứt quan hệ vợ chồng cho đến nay. Bà N xác nhận không còn tình cảm với ông L nữa, nên bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Xét thấy, bà N và ông L đã ly thân nhau một thời gian dài, từ khi ly thân nhau ông bà không tự tìm phương án hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ, ông L không quan tâm gì đến vợ con, đã vi phạm nghĩa vụ đối với vợ con. Chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông L đã thực sự đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà N.

[3] Về con chung: Tại tòa bà N yêu cầu nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét thấy, từ khi bà và ông L ly thân nhau thì bà là người trực tiếp nuôi con chung, ông L bỏ mặc con không có trách nhiệm với con cái. Chứng tỏ, ông L đã vi phạm nghĩa vụ đối với con chung, tại tòa bà N cam đoan sẽ lo cho con có một cuộc sống đầy đủ về mọi mặt, đồng thời con hiện nay còn nhỏ nên bà N yêu cầu nuôi là chính đáng nên cần giao cho bà N nuôi. Giao con chung cho bà N nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con trưởng thành;

[4] Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét;

[5] Về tài sản chung: Do bà N đã rút yêu cầu phân chia tài sản nên đình chỉ giải quyết việc phân chia tài sản chung;

[6] Về nợ chung: Không có;

[7] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; Do bà

N rút yêu cầu phân chia tài sản nên hoàn trả tạm ứng án phí về yêu cầu phân chia tài sản cho bà N theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217, 218, 219; Điều 146 và Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ N. Bà Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

[3] Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ N được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung: Nguyễn N Thúy U, sinh năm 2020 đến khi con trưởng thành.

Bà N không được cản trở ông L trong việc trông nom, chăm sóc và giáo dục các con chung.

Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết việc yêu cầu phân chia tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị Mỹ N đối với ông Nguyễn Văn L.

[4] Về án phí: bà Nguyễn Thị Mỹ N phải nộp **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; Được trừ vào số tiền **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà đã nộp tại biên lai thu số 0009144 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà N đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ N số tiền **1.000.000đ** (một triệu đồng) tạm ứng án phí (về tranh chấp chia tài sản) tại biên lai số 0009143 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

[5] Quyền kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ N là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/42021), đối với ông Nguyễn Văn L vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã (thị trấn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lý Văn Lấy